



tái xiǎn

苔 藓

noun · moss and lichen

Example Sentences

shí tou shàng zhǎng mǎn le tái xiǎn
石头上长满了苔藓。

The rock is covered with moss.

sēn lín lǐ de tái xiǎn hěn shī rùn
森林里的苔藓很湿润。

The moss in the forest is very moist.

Trace each character, then write the word on your own.

苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔
藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓
藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓	藓